TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 47/2024/QĐST-HNGĐ	*Quảng Xương, ngày 01 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 130/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 giữa :

Nguyên đơn: Chị V.V.D; Sinh ngày 02/03/2000

Nơi cư trú: Thôn CĐ, xã QC, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh M.N.V; Sinh ngày 02/06/1991

Nơi cư trú: Thôn CĐ, xã QC, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị V.T.D và anh M.N.V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị V.T.D và anh M.N.V tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị V.T.D và anh M.N.V tự nguyện thỏa thuận. Khi ly hôn giao cho chị V.T.D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu M T Q N , sinh ngày 07/07/2024 cho đến tuổi thành niên. Giao cho anh M.N.V trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu M T Q C , sinh ngày 26/01/2017 và cháu Mai Thị Quỳnh Oanh, sinh ngày 12/01/2019 cho đến tuổi thành niên

Chị V.T.D và anh M.N.V không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Chị V.T.D và anh M.N.V có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Tài sản : Chị V.T.D và anh M.N.V chưa yêu cầu giải quyết.

-Về nợ chung: Chị V.T.D và anh M.N.V trình bày không có nọ chung.

- Án phí: Chị V.T.D và anh M.N.V tự nguyện thoả thuận chị V.T.D chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị V.T.D đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho chị V.T.D 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) theo biên lai thu số: 0001043 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương.

- Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA;
- Cơ quan thực hiện dăng ký kết hôn
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên